

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 07-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải.

Bà Mai Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Âu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 31 đường V, phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: số 528 đường P, phường BT, quận B, thành phố M.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 142/19 đường N, phường K, thành phố T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: số 31 đường V, phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng, bà và ông Nguyễn Phú S kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thị xã T, tỉnh Long An vào ngày 29/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bà không đồng ý sinh thêm con. Bà và ông S đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, bà và con hiện nay đang sinh sống tại thành phố M. Nay bà Ngọc T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có điều kiện

hàn gắn với ông S nên bà Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phú S.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 20/02/2007, con chung hiện nay đang sống cùng bà Ngọc T. Khi vợ chồng ly hôn, bà Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Phú S vắng mặt trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phú S. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 20/02/2007 cho bà Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Ngọc T không yêu cầu ông Phú S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Phú S kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa bà Ngọc T và ông S phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ tại Công an phường A, thành phố T nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt theo quyết định của Tòa án; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn tại nơi bị đơn đang cư trú - số 31 đường V, phường A, thành phố T, tỉnh Long An nhưng bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bà Ngọc T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với ông S. Ông S biết nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu ly hôn của bà Ngọc T, chứng tỏ ông S không quan tâm đến quan hệ hôn nhân này, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên Tòa án áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Phú S là phù hợp.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Ngọc T và ông S đã ở mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có điều kiện hàn gắn do hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay nên có căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngọc T, cho bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phú S.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Phú S có một con chung tên là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 20/02/2007, con chung hiện nay đang sống cùng bà Ngọc T. Khi vợ chồng ly hôn, bà Ngọc T có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy bà Nguyễn Ngọc T hiện nay đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh V. Mặt khác, tại Bản tự khai nội dung vụ việc ngày 04/10/2019, cháu Khánh V có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Ngọc T khi cha và mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao con chung cho bà Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Ngọc T đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng bà Ngọc T vẫn không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T, cho bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phú S.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 20/02/2007 cho bà Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu ông Nguyễn Phú S cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Phú S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông Sang thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Ngọc T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002583 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An thành án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến